

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN HƯNG
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 24/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 09-8-2022

V/v tranh chấp “Ly hôn và nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HƯNG – TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Thành.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Quang Trung.

2. Ông Phạm Ngọc Chánh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Thu, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Lê Vũ Trường – Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 74/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Q, sinh năm: 1987; Địa chỉ: Khu phố G A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Bá T, sinh năm: 1978; Địa chỉ: Khu phố G A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 15 tháng 4 năm 2022, các biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị Q trình bày:

Bà và ông T có tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại UBND xã H vào ngày 30/6/2008. Quá trình chung sống thì vợ chồng bà có 02 con chung tên Nguyễn T V, sinh ngày: 10/01/2009, Giới tính: Nam và Nguyễn Ngọc T T, sinh ngày: 30/8/2018; Giới tính: Nữ. Thời gian đầu bà và ông T chung sống với nhau hạnh phúc, nhưng thời gian sau này vào khoảng đầu năm 2022 giữa bà và ông T thường phát sinh mâu thuẫn, bất đồng ý kiến dẫn đến gây gổ với nhau, quá trình chung sống

ông T không quan tâm chăm sóc gì đến bà, ông T khó khăn trong vấn đề tài chính của vợ chồng, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nay bà không thể tiếp tục sống chung với ông T. Bà và ông T đã sống ly thân từ tháng 4/2022 đến nay (Hiện nay con chung Nguyễn T V và Nguyễn Ngọc T T đang sống với bà).

Nay mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, nên bà xin được ly hôn với ông Nguyễn Bá T.

Về con chung: Bà Q yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi 02 con chung tên Nguyễn Ngọc T T, sinh ngày: 30/8/2018 và Nguyễn T V, sinh ngày: 10/01/2009 bà Q không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Trong bản tự khai ngày 22 tháng 4 năm 2022 và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Bá T trình bày:

Ông thừa nhận lời trình bày của bà Q là đúng sự thật, ông và bà Quyên có tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại UBND xã H vào ngày 30/6/2008. Quá trình chung sống thì vợ chồng ông có 02 con chung tên Nguyễn T V, sinh ngày: 10/01/2009 ; Giới tính: Nam và Nguyễn Ngọc T T, sinh ngày: 30/8/2018; Giới tính: Nữ. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc, nhưng thời gian sau này vợ chồng có vài lần cự cãi nhưng không trầm trọng, ông cam kết sẽ thay đổi sẽ quan tâm chăm sóc vợ con nhiều hơn, mong muốn được đoàn tụ để cùng bà Q chăm lo gia đình. Nhưng nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì ông đồng ý để bà Q được quyền tiếp tục nuôi 02 con chung tên Nguyễn Ngọc T T, sinh ngày: 30/8/2018 và Nguyễn T V, sinh ngày: 10/01/2009. Ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có.

Bà Nguyễn Thị L - Phó khu phố G A, thị trấn T, huyện T cho biết:

Bà Lê Thị Q và ông Nguyễn Bá T là vợ chồng hợp pháp có đăng ký kết hôn, thời gian chung sống với nhau có 02 con chung tên Nguyễn T V, sinh ngày: 10/01/2009; Giới tính: Nam; Nguyễn Ngọc T T, sinh ngày: 30/8/2018; Giới tính: Nữ. Bà Q đã về nhà mẹ ruột sống ở xã H, huyện T, còn ông T hiện đang sống tại Khu phố G A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An.

Tòa án đã tiến hành mở phiên hòa giải giữa các đương sự nhưng không tiến hành hòa giải được.

Các bên đương sự xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho Tòa án, không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

Bà Lê Thị Q khởi kiện ông Nguyễn Bá T về việc tranh chấp “Ly hôn, nuôi con”, do Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ nên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hưng tham gia phiên tòa. Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán là đúng theo quy định; Hội đồng xét xử đều đúng quy định của pháp luật; việc chấp hành pháp luật của các đương sự đều đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án:

+ Về hôn nhân: Vợ chồng bà Q, ông T có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Nay bà Q nhận thấy mối quan hệ giữa bà và ông T có rất nhiều mâu thuẫn, bất đồng không thể giải quyết được, ông T khó khăn trong vấn đề tài chính của vợ chồng, đời sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Hơn nữa, bà Q và ông T đã sống ly thân từ tháng 4/2022 đến nay không có khả năng đoàn tụ nên yêu cầu của bà Q về việc ly hôn với ông T là có căn cứ chấp nhận theo khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

+ Về con chung: Bà Q yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung tên Nguyễn Ngọc T T, sinh ngày: 30/8/2018, giới tính nữ, Nguyễn T V, sinh ngày: 10/01/2009 giới tính nam và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, bà Q hiện đang nuôi 02 cháu T và cháu V. Ông T cũng đồng ý giao 02 cháu T và cháu V cho bà Q chăm sóc và nuôi dưỡng. Do đó, yêu cầu nuôi con của bà Q là có căn cứ chấp nhận theo khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

+ Về cấp dưỡng: Không yêu cầu nên không xem xét.

+ Về nợ chung, tài sản chung: Bà Q không yêu cầu nên không xem xét.

- Đối với ý kiến của ông T: Ông T không đồng ý ly hôn với bà Q vì cho rằng mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng, mong muốn đoàn tụ để cùng chăm sóc con. Xét thấy, ông T thừa nhận vợ chồng ông có phát sinh mâu thuẫn, có cự cãi, ông và bà Q đã ly thân từ tháng 04/2022 đến nay và bà Q cương quyết xin ly hôn với ông T. Do đó, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu đoàn tụ của ông T.

Từ những nhận định trên, căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Q. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng thụ lý và giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại các Điều 26, 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[1] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà Q với ông T là hợp pháp. Quá trình chung sống do hai bên phát sinh mâu thuẫn, cha mẹ hai bên đã nhiều lần hòa giải đoàn tụ nhưng không thành, bà Q kiên quyết ly hôn với ông T, Tòa án đã thụ lý tiến hành hòa giải cho đoàn tụ và kéo dài thời gian theo quy định pháp luật để ông T có điều kiện tự điều chỉnh mâu thuẫn và có phương pháp đoàn tụ. Nhưng ông T không có phương pháp để đoàn tụ gia đình. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà Q với ông T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài,

mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà Q yêu cầu được ly hôn với ông T là có căn cứ theo các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng bà Q, ông T có hai con chung tên Nguyễn T V, sinh ngày: 10/01/2009; Giới tính: Nam và Nguyễn Ngọc T T, sinh ngày: 30/8/2018; Giới tính: Nữ (Hiện các con chung đang sống với bà Q). Bà Q yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi 02 con chung Nguyễn T V và Nguyễn Ngọc T T. Bà Q không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Ông T cũng đồng ý giao 02 cháu T và cháu V cho bà Q chăm sóc và nuôi dưỡng và ông không cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy đây là sự tự nguyện thỏa thuận giữa bà Q và ông T phù hợp theo khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên ghi nhận.

Về tài sản và nợ chung: Bà Q, ông T không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết nên không đề cập đến.

[3] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bà Quyền tự nguyện trực tiếp nộp tiền án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 28, 35, 39, 147, 235 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 17, 27, 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Bà Lê Thị Q được ly hôn với ông Nguyễn Bá T.

2. Về con chung: Bà Lê Thị Q được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung tên Nguyễn T V, sinh ngày: 10/01/2009; Giới tính: Nam và Nguyễn Ngọc T T, sinh ngày: 30/8/2018; Giới tính: Nữ (Hiện cháu V và cháu T đang sống với bà Q).

Ông Nguyễn Bá T không trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung nhưng được quyền đến thăm nom, chăm sóc giáo dục con, không ai được quyền ngăn cản ông T thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

3. Về cấp dưỡng và tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến

4. Về án phí:

Bà Lê Thị Q phải chịu án phí án hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0003191 ngày 18 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hưng, tỉnh Long An. Bà Q đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Ông Nguyễn Bá T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện/tỉnh;
- Chi cục THA DS;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Văn Thành